Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng
Thời gian ký: 20.06.2019 08:38:00 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 740/GCN-BXD

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Liên hiệp địa chất công trình – xây dựng và môi trường ngày 08 tháng 4 năm 2019,

CHỨNG NHẬN:

1. Liên hiệp địa chất công trình – xây dựng và môi trường.

Địa chỉ: 34/31 Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0303224182.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm cơ lý đất – đá và vật liệu xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 299/17E, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 290**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số: 482/QĐ-BXD ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Liên hiệp địa chất công trình – xây dựng và môi trường;
- Sở XD Tp. Hồ Chí Minh;
- TT thông tin (*Website*);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 290

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 740 /GCN-BXD, ngày 20 tháng 6 năm 2019)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của xi măng	TCVN 4030:2003
2	Xi măng – phương pháp thử - xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xi măng – phương pháp xác định thời gian đông kết & độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
6	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
7	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
8	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
9	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:93
10	Xác định cường giới hạn bền khi nén của bê tông	TCVN 3118:93
11	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
12	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:93
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
13	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
14	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
15	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
16	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:2006
17	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
18	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
19	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
20	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
21	Xác định nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
22	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
23	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
24	Xác định hàm lượng hạt yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
25	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG	
26	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
27	Xác định độ ẩm và độ hút nước	TCVN 4196:2012
28	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
29	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
30	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2014
31	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
32	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
33	Xác định khối lượng thể tích (Dung trọng)	TCVN 4202:2012
34	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006
35	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU; CU; CD; CV)	ASTM D2850-03a(07)
36	Thí nghiệm 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
37	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434:00 TCVN 8723:2012
38	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
39	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
40	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012

41	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
	THỬ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG	
42	Vật liệu kim loại – Thử kéo – phần 1: Phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014
43	Vật liệu kim loại – Thử uốn	TCVN 198:2008
44	Kiểm tra chất lượng mối hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010
45	Thử kéo ngang mối hàn	TCVN 8310:2010
46	Thử kéo dọc mối hàn	TCVN 8311:2010
47	Kiểm tra không phá hủy – PP dùng bột từ	TCVN 4396:86
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
48	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
49	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
50	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
51	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
52	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
53	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
54	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
55	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
56	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
57	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
58	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
59	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM	
60	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005 (ASTM D 5-97)
61	Phương pháp xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005 (ASTM D 113-99)
62	Phương pháp xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng-và-bi)	TCVN 7497:2005 (ASTM D 36-00)
63	Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005 (ASTM D 92-02b)
64	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005 (ASTM D 6-00)
65	Phương pháp xác định độ hoà tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2005 (ASTM D 2042-01)
66	Phương pháp xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005 (ASTM D 70-03)
67	Phương pháp xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005 (ASTM D 2170-01a)
68	Phương pháp xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
69	Thành phần hạt	22TCN58:1984
70	Lượng mất khi nung	22TCN58:1984
71	Hàm lượng nước	22TCN58:1984
72	Khối lượng riêng của bột khoáng	22TCN58:1984
73	Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN58:1984
74	Hệ số háo nước	22TCN58:1984
75	Hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN58:1984
76	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khóang và nhựa đường	22TCN58:1984
77	KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN58:1984
78	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN58:1984
79	Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN58:1984
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
80	Thí nghiệm nén ngang	ASTM D4719:07
81	Thí nghiệm cọc bằng tải trọng tĩnh nhổ dọc trục, tải trọng tĩnh nằm ngang	TCXD 88:82
82	Thí nghiệm đo điện trở suất	ASTM G57
83	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02-71

84	Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:06
85	Xác định độ bằng phẳng mặt của mặt đường bằng thước 3m.	TCVN 8864:2011
86	Phương pháp thử nghiệm xác định môdul đàn hồi E nền, mặt đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861-2011
87	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
88	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy so siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
89	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
90	Cọc –PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	TCVN 9393:2012
91	Quy trình quan trắc chuyển vị ngang nhà và công trình	TCVN 9399:2012
92	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
93	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
94	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:92
95	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:08
96	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012
97	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:2012
98	Thí nghiệm cọc bằng PP biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:00
99	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
100	Đo áp lực nước lỗ rỗng	AASHTO T252:96
101	Thí nghiệm hút nước trong hố khoan	ASTM D4105:91
102	Đo mực nước ngầm và áp lực nước lỗ rỗng	BS 5930 P20.23:81
103	Đo địa chấn trong hố khoan bằng PP Downhole	ASTM D7400
104	Đo địa chấn trong hố khoan bằng PP Crosshole	ASTM D4428
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
105	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
106	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
107	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
108	Xác định cường độ uốn và nén của mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
109	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
110	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6335–1:2009
111	Xác định cường độ nén	TCVN 6335–2:2009
112	xác định cường độ uốn	TCVN 6335–3:2009
113	Xác định độ hút nước	TCVN 6335–4:2009
114	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6335–5:2009
115	Xác định độ rỗng	TCVN 6335–6:2009
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC XÂY DỰNG	
116	Xác định hàm lượng Sunfat (SO^{4-})	TCXD 81:81
117	Cacbonic (CO2 tự do và ăn mòn)	TCXD 81:81
118	Độ cứng Cacbonat – Độ cứng toàn phần	TCXD 81:81
119	Canxi (Ca^{2+}); Magiê (Mg^{2+})	TCXD 81:81
120	Xác định độ pH	TCXD 81:81
	PHÂN TÍCH HÓA ĐẤT	
121	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:12
122	Độ pH của đất	ASTM G51

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.